TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CR** **THÀNH PHỐ CT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HNST
Ngày: 14/8/2024
Về việc: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR, THÀNH PHỐ CT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà *Trần Thị Hồng Gấm*.
- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông *Bùi Thanh Trí*.

Ông *Nguyễn Thanh Tùng*.

- Thư ký phiên tòa: Bà *Trương Hoàng Minh Phương* – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT.

Trong ngày 14/82024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 127/2024/TLST-HN ngày 18 tháng 6 năm 2024 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2024/QĐST-HN ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn T G**, sinh năm 2002. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 34/1E khu vực Yên Thượng, phường L B, quận CR, thành phố CT.

* *Bị đơn*: Ông **Trần Q Đ**, sinh năm 1995. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 34/8C khu vực Yên Thuận, phường L B, quận CR, thành phố CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn – bà Nguyễn T G trình bày*:

Về hôn nhân: Bà và và ông Trần Q Đ qua tìm hiểu thời gian khoảng 01 năm thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L B, quận CR, thành phố CT vào ngày 15/3/2023. Quá trình chung sống hạnh phúc chỉ được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn xảy ra âm ỉ đến nay. Cuộc sống vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau, bà G đã trao đổi bàn bạc nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nửa. Nay mục đích hôn nhân không còn đạt được và tình cảm đã thật sự rạn nứt, không còn nên bà yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

* *Phía bị đơn ông Trần Q Đ*:

Ông Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình và vắng mặt không rõ lý do.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không hòa giải được do đó phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung thì không có. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Nguyễn T G và ông Trần Q Đ tự nguyện tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Khi phát sinh tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết và quan hệ này được Luật hôn nhân gia đình điều chỉnh, tranh chấp giữa các đương sự thuộc quan hệ *"Tranh chấp ly hôn"*. Mặt khác, bị đơn ông Trần Q Đ có địa chỉ cư trú tại quận CR, thành phố CT nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về phần thủ tục*:

Ông Trần Q Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải, phiên tòa xét xử. Tòa án đã làm thủ tục tống đạt trực tiếp, niêm yết thông báo thụ lý, thông báo phiên họp và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông Đ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có cơ sở.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà G và ông Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà G , mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không có sự chia sẻ và thời gian kéo dài. Bên cạnh đó, cả hai đã ly thân một thời gian dài từ gần cuối năm 2023 cho đế nay nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Mặc dù, bà đã tạo điều kiện cho ông Đ nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng không mang lại kết quả, nay thấy tình cảm không còn nên có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Q Đ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mời ông Đ nhiều lần cũng tạo cơ hội để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, cho thời gian để vợ chồng có điều kiện đoàn tụ nhưng ông Đ không có văn bản ý kiến gửi

cho Tòa án cũng như không đến dự phiên hòa giải, tham dự phiên tòa, chứng tỏ ông Đ cũng không tha thiết tha gì đối với quan hệ hôn nhân này. Tại phiên tòa, bà G vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đạt. Nhận thấy, việc tiến tới hôn nhân của cả hai là tự nguyện nên việc đoàn tụ cũng phải xuất phát từ tình cảm, sự tự nguyện của hai bên. Bà G không đồng ý đoàn tụ mà kiên quyết ly hôn. Nhận thấy, hôn nhân của vợ chồng bà G, ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà G có cơ sở chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Không có.

[5] *Về tài sản chung*: Bà G trình bày vợ chồng không có tài sản chung còn ông Đ vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến của ông Đ nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] *Về nợ chung*: Không có.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn phải nộp án phí Hôn nhân và Gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn T G.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của bà Nguyễn T G đối với ông Trần Q Đ.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003546 ngày 17/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận CR, thành phố CT thành án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- ***Nơi nhận:***

+ VKSND quận CR;
+ Chi Cục THADS quận CR;
+ UBND phường L B,
Q. CR, TP. CT;
+ Các đương sự;
+ Lưu hồ sơ vụ án.

(ĐÃ KÝ)

TRẦN THỊ HỒNG GẤM